

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 16 -12-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 -TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Việt

Ông Nguyễn Văn Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án khu vực 8 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồ Cẩm T, sinh năm 1997. Căn cước công dân số 075197014819, cấp ngày 21/9/2021.

Địa chỉ: Số 61, ấp P, xã V, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1993. Căn cước công dân số 087093008788, cấp ngày 25/9/2022.

Địa chỉ: Số 61, ấp P, xã V, tỉnh Đ.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Hồ Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh S tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm trước khi sống chung vợ chồng vào năm 2017, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết

hôn vào ngày 15/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (nay là UBND xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi kết hôn, cả hai sống chung bên nhà cha mẹ của anh S.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2024 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thường xuyên gây gổ, không có tiếng nói chung, anh S không quan tâm chăm sóc gia đình. Từ tháng 12/2024, chị T và anh S sống ly thân đến nay, cả hai không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Anh S biết việc chị T nộp đơn yêu cầu xin ly hôn nhưng anh S không đồng ý đến Tòa án làm việc.

Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh S, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn anh S.

Về nuôi con chung: Quá trình vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lê Thục Q, sinh ngày 15/02/2018 và Lê Trúc Q1, sinh ngày 11/01/2023, hiện 02 con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống với anh S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn anh Lê Văn S: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 12/11/2025, con của chị T và anh S là cháu Lê Thục Q, sinh ngày 15/02/2018 trình bày: Nếu cha và mẹ ly hôn, không sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là chị T.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự (nguyên đơn) đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện: Thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 191 Bộ luật TTDS. Phía bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là đã vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật TTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Cho chị T và anh S ly hôn.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị T được quyền nuôi 02 con chung tên Lê Thục Q, sinh ngày 15/02/2018 và Lê Trúc Q1, sinh ngày 11/01/2023 sau ly hôn. Do chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồ Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án; bị đơn anh Lê Văn S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S chung sống vợ chồng từ năm 2017 tuy không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (nay là UBND xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi, cả hai không có tiếng nói chung, anh S không quan tâm chăm sóc gia đình, không tạo được niềm tin và chỗ dựa vững chắc cho chị T và các con. Từ tháng 12/2024 anh chị đã sống ly thân đến nay không còn liên lạc gì với nhau. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh S. Về phía anh S quá trình giải quyết vụ án mặc dù biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh S không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có thiện chí đến Tòa tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm với chị T, cho thấy anh S đã từ bỏ quyền lợi của mình, anh S không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh S đã không thể hàn gắn được, anh và chị đã sống ly thân trong một thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh S là có căn cứ và phù hợp với quy pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T xác định quá trình chung sống với anh S có 02 con chung tên Lê Thục Q, sinh ngày 15/02/2018 và Lê Trúc Q1, sinh ngày 11/01/2023, hiện 02 con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con. Phía anh S không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị T.

Xét thấy, từ khi được sinh ra cho đến nay 02 cháu Q và Q1 sống chung với chị T và anh S, từ khi vợ chồng sống ly thân 02 cháu Q và Q1 vẫn tiếp tục sống chung với chị T, được chị T và gia đình chị T thương yêu, quan tâm, chăm sóc, hiện 02 cháu có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Phía anh S thiếu sự quan tâm chăm sóc đối với con, từ khi vợ chồng sống ly thân anh S ít tới lui, quan tâm chăm sóc, phụ tiếp tiền bạc để chị T nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao 02 cháu Q và Q1 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho 02 cháu Q và Q1 trong sinh hoạt cũng như cuộc sống. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở là phù hợp với quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồ Cẩm T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồ Cẩm T. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Hồ Cẩm T và anh Lê Văn S.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Hồ Cẩm T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung sau ly hôn tên Lê Thục Q, sinh ngày 15/02/2018 và Lê Trúc Q1, sinh ngày 11/01/2023, hiện 02 con đang sống chung với chị T .

Anh Lê Văn S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc 02 con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Hồ Cẩm T không yêu cầu anh Lê Văn S cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Hồ Cẩm T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 06/10/2025 theo biên lai thu số 0003504 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Viện kiểm sát ND khu vực 8 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THA DS khu vực 8 – Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn

